

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2018

*“V/v tranh chấp HN&GD – Xin ly
hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương,

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 387/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, năm sinh 1983;

HKTT: Ấp 7, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp 7, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện; biên bản hòa giải ngày 04/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/10/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng thì vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và chị T có bỏ đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng cũng ngày thêm rạn nứt. Đồng thời, trước đây anh Tr có nộp đơn xin ly hôn với chị T, nhưng sau đó anh Tr rút lại đơn khởi kiện; thời điểm đó chị T có trở về chung sống với anh Tr được một thời gian vì cả hai đều mong muốn cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, cả hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không quan tâm nhau và cũng không ai muốn hàn gắn tình cảm vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 08/11/2002 và Nguyễn Thị Huỳnh Trang, sinh ngày 13/10/2011; hiện con chung Huỳnh Như thì đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, còn Huỳnh Trang thời gian trước sống chung với anh Tr, nhưng khoảng 02 tháng nay chị T rước Huỳnh Trang về nhà cha mẹ ruột của chị T để sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Chị T trình bày công việc từ trước giờ là đi làm thuê, ai thuê gì thì làm nấy, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng. Hiện tại chị T làm việc tại Công ty Thủy Sản Hoàng Long ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nếu Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng thì ban ngày chị T gửi Huỳnh Trang cho mẹ ruột chăm sóc, đến chiều chị T đi làm về sẽ chăm sóc, dạy bảo Huỳnh Trang. Thu nhập bình quân làm ở Công ty Thủy Sản Hoàng Long khoảng 5.000.000đ – 6.000.000đ/tháng.

Đối với Huỳnh Như thì hiện nay đã đi làm ở Bình Dương, có thể tự chăm sóc cho bản thân được.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/7/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Tr thống nhất có đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị T. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau là đúng. Mặc dù, cả hai vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên anh Tr đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 08/11/2002 và Nguyễn Thị Huỳnh Trang, sinh ngày 13/10/2011; hiện con chung Huỳnh Như thì đi thuê ở tỉnh Bình Dương, còn Huỳnh Trang thời gian trước sống chung với anh Tr, nhưng khoảng 02 tháng nay chị T rước Huỳnh Trang về nhà cha mẹ ruột của chị T để sống cùng với chị T. Trong thời gian chị T rước Huỳnh Trang về nhà cha mẹ ruột của chị T thì anh Tr có 02 lần đến

nhà để gặp và rước Huỳnh Trang về, nhưng cha mẹ chị T ngăn cản không cho gặp và đưa Huỳnh Trang đi.

Khi ly hôn, anh Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr trình bày công việc từ trước giờ là đi làm thuê ở Cửa hàng vật tư nông nghiệp, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000đ. Ngoài ra, anh Tr còn canh tác thêm 3,5 công đất ruộng do cha mẹ anh Tr cho anh Tr canh tác, sử dụng; thu nhập từ việc làm ruộng khoảng 30.000.000đ/03 vụ/năm (tương đương khoảng 2.500.000đ/tháng). Nếu Tòa án giao con chung cho anh Tr nuôi thì anh Tr sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho Huỳnh Trang, vì chỗ anh Tr làm gần nhà và gần trường học của Huỳnh Trang nên thuận tiện cho việc đưa đón Huỳnh Trang đi học cũng như chăm lo cho Huỳnh Trang tốt hơn.

Đối với Huỳnh Như thì đi làm ở Bình Dương, có thể tự chăm sóc cho bản thân được.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

1. Trích lục kết hôn (Bản sao);
2. Trích lục khai sinh Nguyễn Thị Huỳnh Như (Bản sao);
3. Trích lục khai sinh Nguyễn Thị Huỳnh Trang (Bản sao);
4. Giấy CMND tên Nguyễn Văn Tr (Bản photo);
5. Giấy CMND và sổ hộ khẩu tên Nguyễn Thị Hồng T (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Tr. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 08/11/2002 và Nguyễn Thị Huỳnh Trang, sinh ngày 13/10/2011 và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn và nuôi con chung*”.

Anh Tr là người bị kiện có địa chỉ tại ấp 7, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là ông Trịnh Hữu Chinh. Tuy nhiên, do Thẩm phán Hữu Chinh bận công tác đột xuất nên thay thế Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là ông Huỳnh Trung Dũng để tham gia Hội đồng xét xử. Đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị T, anh Tr tổ chức đám cưới năm 2002 và có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2002 tại UBND xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và chị T có bỏ đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng cũng ngày thêm rạn nứt. Đồng thời, trước đây anh Tr có nộp đơn xin ly hôn với chị T, nhưng sau đó anh Tr rút lại đơn khởi kiện; thời điểm đó chị T có trở về chung sống với anh Tr được một thời gian vì cả hai đều mong muốn cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, trong thời gian sống ly thân thì cả hai vợ chồng không liên lạc với nhau, không quan tâm nhau và cũng không ai muốn hàn gắn tình cảm vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Anh Tr thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, vì vậy anh Tr cũng đồng ý ly hôn với chị T, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T với anh Tr.

- Về con chung: : Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 08/11/2002 và Nguyễn Thị Huỳnh Trang, sinh ngày 13/10/2011. Hiện cháu Huỳnh Như đang đi làm ở tỉnh Bình Dương, còn cháu Huỳnh Trang đang sống với chị T. Tại văn bản ý kiến ngày 04/7/2018, mặc dù đã được Thẩm phán giải thích sau khi cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng cháu Huỳnh Như có nguyện vọng sống với cha hoặc sống với mẹ thì ghi rõ ý kiến của mình sống với ai, nhưng Huỳnh Như vẫn cương quyết viết muốn sống với cả cha và mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, cháu Huỳnh Như hiện đang đi làm và có thể tự nuôi sống bản thân, tuy nhiên cháu Huỳnh Như đang ở độ tuổi vị thành niên chưa phát triển tốt về tâm sinh lý nên ở gần mẹ sẽ được chỉ dạy tốt hơn trong giai đoạn này. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao Huỳnh Như cho chị T nuôi dưỡng là hợp lý.

Đối với cháu Huỳnh Trang, Hội đồng xét xử cho rằng cả anh Tr và chị T đều có điều kiện và khả năng nuôi cháu Huỳnh Trang. Tuy nhiên, do tính chất công việc của anh Tr là đi làm thuê không có nhiều thời gian chăm sóc, đưa đón cháu Huỳnh Trang đi học, bên cạnh đó anh Tr cũng không thể nhờ ai khác chăm sóc cháu Huỳnh Trang trong lúc anh Tr đi làm. Còn chị T tuy cũng đi làm thuê nhưng do chị sống cùng với cha mẹ ruột, nên có thể nhờ cha mẹ chị chăm sóc,

đưa đón cháu Huỳnh Trang đi học trong lúc chị đi làm. Sau khi đi làm về thì chị dành thời gian quan tâm, chăm sóc và dạy dỗ cháu Huỳnh Trang. Đồng thời, hiện tại cháu Huỳnh Trang đang sống ổn định, bình thường, êm ấm với mẹ và gia đình bên Ngoại, việc chuyển giao cháu Huỳnh Trang về sống với cha sẽ làm xáo trộn đời sống, môi trường của cháu. Mặt khác, Huỳnh Như lại là bé gái nên để cháu sống với mẹ sẽ được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, thuận tiện hơn. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao Huỳnh Trang cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung do chị T không yêu cầu.

Anh Tr có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Do các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T với anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 08/11/2002 và Nguyễn Thị Huỳnh Trang, sinh ngày 13/10/2011 sẽ do chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tr có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000327 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Trung Dũng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Phạm Phước Tâm Hồ Thị Mai Hương

Huỳnh Trung Dũng

